

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH TẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THUỘC LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

INFLUENTIAL FACTORS IN INNOVATION OF ENGLISH TEACHING METHODS AT THE PEOPLE'S POLICE UNIVERSITIES

NGUYỄN NGỌC ÂN, ngocandhcsnd@gmail.com

Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 15/3/2024 Ngày nhận lại: 23/3/2024 Duyệt đăng: 26/03/2024 Mã số: TCKH-S01T3-2024-B09 ISSN: 2354 - 0788</p> <p>Từ khóa: Yếu tố ảnh hưởng, đổi mới phương pháp dạy học, môn tiếng Anh.</p> <p>Key words: Affected factors, Innovation teaching methods, English.</p>	<p>Bài viết làm rõ những yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Anh ở bậc đại học. Đồng thời, tác giả đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này tại các cơ sở đào tạo đại học thuộc lực lượng Công an nhân dân qua việc sử dụng phiếu trưng cầu ý kiến dành cho 45 cán bộ quản lý và giảng viên đang dạy học môn tiếng Anh. Kết quả này là cơ sở để đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo đại học thuộc lực lượng Công an nhân dân.</p> <p>ABSTRACT The article clarifies the factors affecting the innovation of English teaching methods at the university level. At the same time, the author evaluates the influence of these factors at university training at the People's Police Universities using a referendum for 45 managers and lecturers is teaching English. This result is the basis for proposing measures to manage innovative English teaching methods at the People's Police Universities in Viet Nam.</p>

1. Giới thiệu

Theo Wedell (2011), việc nhanh chóng triển khai đổi mới phương pháp dạy học (ĐMPPDH) trong các hệ thống giáo dục của các nước trên toàn thế giới trong vòng 20 đến 30 năm qua là một xu hướng rõ ràng. Theo Vijayalakshmi (2019), ĐMPPDH là một cách tiếp cận chủ động để tích hợp các chiến lược giảng dạy và phương pháp dạy học tích cực vào một lớp học để đạt được mục tiêu dạy học. Hiện nay, trong quá trình đổi mới giáo dục

nói chung và đổi mới giáo dục đại học nói riêng, việc ĐMPPDH đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên (SV) phát triển khả năng tự học, khả năng tổng hợp kiến thức nhằm phát huy những năng lực cần thiết, nhất là năng lực giải quyết vấn đề.

Quyết định số 2080/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ đã chỉ rõ vai trò quan trọng của việc ĐMPPDH trong đổi mới giáo dục. Đặc biệt trong bối cảnh giáo dục chịu sự ảnh hưởng của nền kinh tế tri thức, sự bùng nổ thông tin và cuộc cách mạng

công nghiệp 4.0 hiện nay, các cơ sở giáo dục thuộc lực lượng công an nhân dân (CAND) cần có những đổi mới, từ nội dung, phương pháp giảng dạy, mô hình đào tạo tới công tác quản lý đào tạo... để đáp ứng nguồn nhân lực bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo an toàn trật tự xã hội, bảo vệ an ninh mạng và truyền thông, cũng như hoạt động hợp tác phòng ngừa đấu tranh với các loại tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm xâm phạm sở hữu trí tuệ từ trong nước và ngoài nước.

Bộ Công an (2018) đã ban hành kế hoạch thực hiện “Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục và đào tạo của lực lượng Công an nhân dân” tại Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 trong đó, xác định mục tiêu chung là “Đổi mới phương pháp dạy và học ngoại ngữ trong CAND, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ phù hợp với các đối tượng đào tạo, trình độ đào tạo, nhằm đạt được bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh) tại các trường CAND” (Bộ Công an, 2018). Nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo đại học thuộc lực lượng CAND trong bối cảnh đổi mới phải đặc biệt chú trọng chất lượng việc dạy ngoại ngữ (tiếng Anh) để cán bộ chiến sĩ có khả năng sử dụng ngoại ngữ như một công cụ để học tập, nghiên cứu suốt đời, để cán bộ chiến sĩ có thể giao tiếp và hợp tác với lực lượng cảnh sát quốc tế như Interpol, Aseanaol và Europol... Đặc biệt trong bối cảnh hiện tại và trong tương lai, lực lượng CAND cần tận dụng tối đa sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế trong việc hợp tác chuyển giao công nghệ phòng, chống tội phạm; phối hợp với cảnh sát các nước trong việc trao đổi thông tin, kiến thức về khoa học công nghệ, kỹ năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật, kinh nghiệm phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh chống tội phạm có yếu tố nước ngoài (Bộ Công an, 2014).

2. Nội dung

2.1. Mục tiêu hoạt động đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Anh ở đại học

Mục tiêu chung của giáo dục đại học (GDĐH) đã nhấn mạnh: Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí,

bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân (Quốc hội, 2018). Mục tiêu nêu trên sẽ tác động đến mỗi cơ sở đào tạo trình độ đại học, đó là: chú trọng mục tiêu để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; đào tạo để SV có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025 đã nhấn mạnh việc nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu học tập và làm việc; tăng cường năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập, góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đối với GDĐH, SV không chuyên ngữ thì ngoại ngữ phải đáp ứng theo chuẩn đầu ra theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 của Việt Nam hoặc tương đương (Chính phủ, 2017).

Từ những mục tiêu chung của GDĐH dẫn đến mục tiêu hoạt động ĐMPPDH môn Tiếng Anh (TA) ở đại học, đó là:

- Tạo cho SV chủ động hơn trong quá trình tìm hiểu hệ thống những tri thức liên quan đến ngữ vựng TA (ngữ pháp, ngữ âm, ngữ vựng).

- Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của SV khi học môn TA.

- Hướng dẫn, bồi dưỡng phương pháp tự học TA cho SV.

- Phát triển tốt năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp (kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, giao tiếp, trình bày...) bằng TA cho SV.

- Nhằm tổ chức, điều khiển SV chiếm lĩnh và vận dụng được ngôn ngữ TA để SV phát triển năng lực tự duy độc lập sáng tạo ở hiện tại và trong tương lai.

- Đáp ứng tốt hơn bối cảnh của thời đại, nhu cầu phát triển đất nước, nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực cao, và đáp ứng tốt mục tiêu giáo dục đại học.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Anh ở đại học

2.2.1. Nhận thức về đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Anh

Theo Nguyễn Quý Thanh (2019), chỉ khi CBQL và GV có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của ĐMPPDH thì mới có thể có những hành động tương xứng, từ nhận thức đến hành động cho hoạt động ĐMPPDH hiệu quả. Yếu tố nhận thức có ảnh hưởng tới toàn bộ hoạt động ĐMPPDH môn TA. Do vậy, trong quá trình quản lý hoạt động ĐMPPDH môn TA chủ thể quản lý là lãnh đạo, CBQL, và GV cần phải được nhận thức đúng vai trò của mình. Đặc biệt, chủ thể quản lý có hiểu biết nhất định về ĐMPPDH thông qua việc thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về hoạt động ĐMPPDH môn TA, kỹ năng sử dụng kỹ thuật dạy học, kỹ năng sử dụng CNTT, và sử dụng PPDH tích cực. Khi lãnh đạo, CBQL, và GV nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của hoạt động ĐMPPDH môn TA, thì họ sẽ nêu cao tinh thần trách nhiệm, phối hợp tốt trong tổ chức thực hiện. Điều đó sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp, và mang lại hiệu quả cho hoạt động này. Ngược lại, nếu lãnh đạo, CBQL, và GV nhận thức chưa rõ vai trò, tầm quan trọng của hoạt động ĐMPPDH môn TA thì sẽ không có sự đồng thuận, không có sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện dẫn đến không mang lại hiệu quả cho hoạt động này. Vì vậy, việc tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa và mục đích, tầm quan trọng của hoạt động ĐMPPDH

môn TA trong mỗi cơ sở đào tạo là hết sức cần thiết để CBQL, GV có nhận thức đúng đắn, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động này.

2.2.2. Trình độ, năng lực hoạt động đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Anh của đội ngũ GV

Trong những nhân tố quyết định đến hiệu quả quản lý và hoạt động ĐMPPDH thì trình độ, năng lực của CBQL và GV luôn là những nhân tố trung tâm, quan trọng hàng đầu. Trong quá trình quản lý hoạt động ĐMPPDH môn TA ở các cơ sở GDĐH, GV cũng là chủ thể tích cực. Người GV dạy học môn TA phải phát huy tính độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu các PPDH, tích cực tìm tòi vận dụng ưu điểm của những PPDH, qua đó sáng tạo, làm mới các PPDH sao cho đạt hiệu quả cao. Một PPDH được cho là hiệu quả khi PPDH đó được thực hiện trên cơ sở người GV nắm chắc và kết hợp sáng tạo giữa lý luận trong thực tế. GV biết thao tác sử dụng kỹ thuật dạy học với phương tiện, thiết bị dạy học để tác động, làm biến đổi nhận thức của SV. ĐMPPDH môn TA không phải là thay đổi PPDH này bằng PPDH khác, càng không phải là việc thay đổi các phương pháp trong kế hoạch dạy học mà điểm cốt lõi trong ĐMPPDH môn TA là lựa chọn những ưu điểm của từng PPDH sao cho phù hợp với nhu cầu, bối cảnh, điều kiện học tập của SV nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo. Bản chất của hoạt động ĐMPPDH môn TA cuối cùng là thay đổi cách thức làm việc của GV. Nói cách khác là đổi mới các PPDH và cách thức vận hành những PPDH tích cực để quá trình dạy học môn TA diễn ra một cách nhịp nhàng, hiệu quả. Tuy nhiên, việc thay đổi này phụ thuộc nhiều vào trình độ năng lực của người GV. Bản thân người GV ngoài những yêu cầu về phẩm chất, thì trình độ và năng lực chuyên môn sư phạm về PPDH là nền tảng cho hoạt động ĐMPPDH môn TA.

Nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng trình độ chuyên môn và nhận thức (niềm tin) của GV đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định lựa chọn đổi mới PPDH và có tác động đến kết quả học tập của SV (Kennedy, 1991; Borg, 2006). Tâm lý và

niềm tin của giảng viên có thể ảnh hưởng đến khả năng của họ khi lựa chọn áp dụng các phương pháp DH môn TA vào trong giảng dạy.

Như vậy, trình độ chuyên môn và năng lực của GV là rất quan trọng trong việc định hình, lựa chọn ĐM PPDH. Bởi vì trong quá trình thực hiện GV là người sẽ chủ động, lựa chọn các PPDH tích cực. GV là người trực tiếp tổ chức các hoạt động dạy trên lớp. Do đó yêu cầu cần có của GV là phải có năng lực chuyên môn cao, nắm bắt được những phát triển mới nhất trong thực tiễn chuyên môn của mình; có năng lực giảng dạy phù hợp với lĩnh vực chuyên môn sâu của mình; có khả năng vận dụng tốt các PPDH tích cực kết hợp với phương pháp đặc thù của bộ môn; biết sử dụng thiết bị, kỹ thuật dạy học hiện đại; ứng dụng CNTT phù hợp với nội dung bài dạy, đối tượng dạy, điều kiện và môi trường thực tế. Nếu GV có năng lực chuyên môn tốt thì HĐM PPDH môn TA trong nhà trường sẽ mang lại hiệu quả và sớm đạt mục tiêu đề ra. Do đó để nâng cao hiệu quả quản lý HĐM PPDH môn TA trong nhà trường, LĐ các cấp cần bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV. Sự đổi mới trong thực tế thường đòi hỏi phải xem xét về nhận thức, tâm lý, năng lực phía giáo viên (Fullan, 2007).

2.2.3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phục vụ hoạt động đổi mới PPDH môn tiếng Anh

Yếu tố cơ sở vật chất (CSVC) và thiết bị dạy học (TBDH) là điều kiện nòng cốt để các cơ sở GDĐH thực hiện thành công hoạt động ĐMPPDH môn TA. Nếu không có thành tố này, hoạt động ĐMPPDH khó có thể diễn ra một cách thuận lợi và đạt được hiệu quả cao. Yêu cầu đổi mới nội dung và PPDH tất yếu kéo theo việc đổi mới CSVC nói chung và TBDH nói riêng, đặc biệt là hoạt động quản lý việc sử dụng TBDH, quá trình này có tác động trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động ĐMPPDH môn TA, thể hiện cụ thể nội dung dạy học và hỗ trợ thực hiện các PPDH tích cực. CSVC là tất cả phương tiện, lớp học, thư viện... được huy động vào việc giảng dạy, học tập và các hoạt động mang tính chất giáo dục khác nhằm đạt được mục đích giáo dục.

TBDH là một trong những yếu tố cơ bản hỗ trợ tối đa cho hoạt động dạy học. Vai trò của thiết bị dạy học trong hoạt động ĐMPPDH môn TA dưới sự điều khiển của người GV đã làm tăng tốc độ truyền thông tin, tạo ra sự lôi cuốn, hấp dẫn, làm cho việc dạy học được văn minh, hiệu quả hơn.

Như vậy, CSVC và TBDH vừa là phương tiện của việc giảng dạy, vừa là công cụ của luyện tập. Chúng là nhân tố không thể thiếu trong cấu trúc toàn vẹn của quá trình hỗ trợ đặc lực trong hoạt động ĐMPPDH môn TA.

2.2.4. Năng lực, thái độ, phương pháp học tập môn tiếng Anh của sinh viên

Hoạt động dạy của GV và hoạt động học của SV luôn có sự phối hợp thống nhất, giữa cách dạy và cách học. Kết quả học tập của người học không chỉ phụ thuộc vào cách dạy của GV mà còn phụ thuộc vào hoạt động của người học. Để hoạt động ĐMPPDH môn TA hiệu quả đòi hỏi cả người dạy và người học phải chủ động, tích cực, sáng tạo. Đặc biệt SV phải thích ứng, chủ động, sáng tạo nhằm lĩnh hội các kiến thức liên quan đến ngôn ngữ TA dưới sự tổ chức, định hướng của GV. Trong đó, trình độ nhận thức và thái độ của SV ảnh hưởng đến hành vi học tập. Như vậy, điều này cho thấy SV có thái độ học tập tích cực sẽ dẫn đến một hành vi học tập chủ động và tích cực hơn. Học tập là nhiệm vụ quan trọng của mỗi SV. Để đạt được kết quả tốt, SV không chỉ hiểu rõ về việc học của chính mình, lựa chọn phương pháp học tập phù hợp mà còn cần học tập với một thái độ tích cực. Ngoài ra, SV phải xác định mục tiêu rõ ràng và thực hiện công việc với một thái độ chủ động, tích cực, đúng đắn để có động lực học tập thích ứng với các hoạt động ĐMPPDH môn TA của GV.

Hoạt động ĐMPPDH môn TA của GV và đổi mới phương pháp học tập của SV phải được thực hiện đồng bộ. Đối với SV, việc đổi mới phương pháp học tập chính là thay đổi cách thức học tập để đạt được hiệu quả. Nhưng quan trọng nhất vẫn chính là ý chí, nghị lực của bản thân mỗi SV phải được bắt đầu từ việc đổi mới nhận thức.

Từ nhận thức đúng đắn sẽ giúp SV có phương pháp học tập đúng đắn và hiệu quả hơn.

SV cần đổi mới cách thức học tập để phù hợp với những định hướng mục tiêu hoạt động ĐMPPDH môn TA của GV. Đặc biệt, SV coi trọng hoạt động tự học, sáng tạo của mình và phối hợp tự học, sáng tạo với SV khác một cách hợp lý. Đổi mới quan hệ thầy trò từ mối quan hệ một chiều: GV giảng - SV nghe, ghi nhớ thay bằng mối quan hệ tương tác, hai chiều: GV tổ chức, hướng dẫn, cố vấn, trọng tài; SV là chủ thể hoạt động tích cực và sáng tạo. Từ đó, đổi mới phương pháp học tập mang lại cho SV những trải nghiệm phong phú; giúp họ cải thiện khả năng ngôn ngữ; góp phần nâng cao năng lực học tập môn TA.

2.2.5. Xu thế đổi mới, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0

Hệ thống giáo dục hiện nay cần phải tập trung phát triển phẩm chất, năng lực của người học, giúp họ phát huy hết khả năng của bản thân; đồng thời phát triển năng lực của SV trong môi trường hội nhập quốc tế, điều này đòi hỏi SV cần trang bị năng lực ngoại ngữ nói chung và năng lực nghe, nói, đọc, viết môn TA.

Xu thế hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của công nghệ 4.0, thị trường lao động đã đặt ra những yêu cầu ngày càng cao và có sự thay đổi liên tục, đòi hỏi các chương trình đào tạo của các cơ sở GDĐH phải được xây dựng một cách linh hoạt, liên tục cập nhật, đổi mới; đồng thời phải dự đoán được xu hướng phát triển ngành nghề trong tương lai để giúp người học bắt kịp xu hướng phát triển.

Ngoài ra, quá trình quốc tế hoá, để nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục nói chung và GDĐH nói riêng, chúng ta cần có một chiến lược quốc gia và lộ trình quốc tế hóa, thúc đẩy hợp tác giáo dục xuyên quốc gia một cách rõ ràng, cụ thể. Riêng đối với cơ sở GDĐH của lực lượng CAND Việt Nam, cần có chiến lược trung hạn và dài hạn đầu tư vào ĐMPPDH môn TA theo hướng tích cực, hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả, tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, thúc đẩy năng lực sáng tạo trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Trong xu thế đất nước Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu và nhiều cơ hội được mở ra, lực lượng lao động Việt Nam cần được trang bị những kỹ năng cần thiết, đặc biệt là khả năng sử dụng TA để có thể nắm bắt những cơ hội này, cùng chung tay phát triển, bảo vệ đất nước ngày càng giàu mạnh.

Như vậy, các cơ sở đào tạo đại học chú trọng những yếu tố liên quan đến xu thế đổi mới, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 để tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho công tác dạy và học TA tại các cơ sở GDĐH. Mỗi cơ sở GDĐH cần xây dựng những chính sách hướng đến việc khuyến khích và mở rộng đào tạo, bồi dưỡng TA cho tất cả các đối tượng người học.

2.2.6. Văn hóa tổ chức, chính sách trong hoạt động đổi mới phương pháp dạy học

Văn hóa tổ chức là tập hợp các đặc điểm giúp phân biệt một nhóm, một tổ chức với những nhóm hoặc những tổ chức khác (Hò, 2009). Theo quan điểm của các nhà nghiên cứu, xây dựng văn hóa tổ chức có thể được xem như một quá trình xây dựng/tái tạo bản sắc liên tục trong và xung quanh tổ chức (Lê, 2012). Các yếu tố văn hóa trong tổ chức, chẳng hạn như việc tạo ra các nhóm làm việc, chia sẻ công việc và sự tin tưởng giữa các thành viên, sẽ cho phép dòng kiến thức lan truyền tự do trong tổ chức và cũng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra, tiếp thu và phổ biến kiến thức. Văn hóa tổ chức làm tăng hiệu quả các hoạt động trong nhà trường, trên cơ sở đó dần tạo nên những phẩm chất đặc trưng khác biệt cho tổ chức trường học. Đó là cơ sở nâng cao uy tín, “thương hiệu” của mỗi cơ sở đào tạo, tạo đà cho các bước phát triển tốt hơn. Văn hóa tổ chức của mỗi cơ sở đào tạo giúp các GV tổ chức thống nhất về cách nhận thức vấn đề, cách đánh giá, lựa chọn, định hướng và hành động. Văn hóa tổ chức của mỗi cơ sở giống như sự gắn kết các thành viên lại thành một khối, từ đó tạo ra những dư luận tích cực, hạn chế những biểu hiện tiêu cực trái với quy tắc, chuẩn mực thông thường của tổ chức. Văn hóa tổ chức của mỗi cơ sở đào tạo sẽ

hạn chế những nguy cơ mâu thuẫn và xung đột; và khi xung đột xảy ra thì văn hóa tổ chức của mỗi cơ sở đào tạo sẽ là hành lang pháp lý, đạo lý phù hợp để góp phần khắc phục, giải quyết xung đột trên nguyên tắc không để phá vỡ tính chính thể của tổ chức nhà trường.

Chủ trương, chính sách, định hướng của lãnh đạo về đổi mới PPDH môn TA là yếu tố quan trọng để công tác quản lý bồi dưỡng có điều kiện phát huy theo hướng tốt hơn. Chủ trương, chính sách, định hướng của cấp trên phù hợp, thuận lợi có thể giúp công tác quản lý bồi dưỡng đạt kết quả tốt và ngược lại.

Khi nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, thu hút nhiều lực lượng tham gia, đầu tư kinh phí cho nhà trường tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ học, tạo điều kiện cho SV học tập trải nghiệm tại các cơ quan có người nước ngoài làm việc, giao lưu với các trung tâm ngoại ngữ có GV là người bản xứ, những địa điểm tham quan du lịch có người nước ngoài đến... tạo cơ hội cho SV thực hành giao tiếp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động ĐMPPDH môn TA, tăng niềm hứng thú học tập cho SV, góp phần nâng cao chất lượng dạy học trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

2.3. Thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Anh tại các cơ sở đào tạo đại học thuộc lực lượng Công an nhân dân

2.3.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra: Sử dụng phiếu hỏi và phương pháp phỏng vấn để khảo nghiệm nhằm rút ra các số liệu, các nhận định, đánh giá mang tính khách quan, chính xác, tin cậy về thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động ĐMPPDH môn TA tại các cơ sở đào tạo đại học thuộc lực lượng CAND.

Công cụ và cách thức khảo sát: Phiếu khảo sát được xây dựng bằng các câu hỏi đóng nhằm lấy ý kiến của 45 CBQL và GV giảng dạy TA tại các cơ sở đào tạo đại học thuộc lực lượng CAND ở Việt Nam.

Quy ước cách thức xử lý số liệu khảo sát: Số liệu thu được sau khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 2.0 (IBM SPSS Statistical 2.0). Phân tích thống kê mô tả sử dụng các chỉ số như: ĐTB cộng (Mean); ĐLC (Standarized deviation). Phân tích thống kê suy luận, sử dụng các phép thống kê như: phân tích các nhân tố ảnh hưởng (EFA), so sánh và phân tích tương quan nhị biến. Để đánh giá độ tin cậy của bộ công cụ trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng mô hình tương quan Alpha của Cronbach (Cronbach's Coefficient Alpha).

2.3.2. Thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Anh

Hệ số Cronbach's Alpha được sử dụng để đánh giá nhằm đảm bảo độ tin cậy của thang đo và các biến quan sát các yếu tố ảnh hưởng đều đạt ở mức đáng tin cậy thể hiện dưới đây:

Bảng 1. Tổng phương sai về các yếu tố ảnh hưởng

Thành phần	Trị số riêng ban đầu			Kết quả khi đã kết thúc quá trình trích nhân tố			Kết quả khi xoay quá trình phân trích nhân tố		
	Tổng	% của Phương sai	Lũy tiến %	Tổng	% của Phương sai	Lũy tiến %	Tổng	% của Phương sai	Lũy tiến %
1	4,21	70,17	70,17	4,21	70,17	70,17	2,69	44,84	44,84
2	1,08	18,08	88,25	1,08	18,08	88,25	2,60	43,40	88,25
3	0,48	8,14	96,40						
4	0,13	2,17	98,57						
5	0,06	1,12	99,69						
6	0,01	0,30	100,00						

Bảng 1 cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ĐMPPDH môn TA được trích với trị số riêng ban đầu lớn hơn 1 với tổng phương sai

tích lũy là 88,25%. So sánh ngưỡng này với kết quả ở ma trận tại Bảng 2 bên dưới, có hai biến xấu (yếu tố cản trở) là YT4 và YT5:

Bảng 2. Thành phần ma trận về các yếu tố ảnh hưởng hoạt động ĐMPPDH môn TA

Thành phần ma trận về 6 yếu tố ảnh hưởng hoạt động ĐMPPDH môn TA (Component Matrix)		
	1	2
YT6 (Văn hoá tổ chức, chính sách của nhà trường)	0,90	
YT4 (Năng lực, nhận thức, thái độ, PP học tập của SV)	0,87	- 0,40
YT2 (Năng lực và nghiệp vụ sư phạm về ĐMPPDH môn TA của GV)	0,84	0,48
YT1 (Nhận thức về ĐMPPDH môn TA)	0,84	0,46
YT5 (Xu thế đổi mới, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0)	0,82	- 0,53
YT3 (Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phục vụ HĐDM PPDH môn tiếng Anh)	0,72	0,338

Từ 6 biến quan sát phân tích yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ĐMPPDH môn TA lần thứ nhất, loại bỏ YT4 và YT5 và đưa 4 biến quan sát

còn lại vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ĐMPPDH môn TA lần thứ hai cho thấy kết quả được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 3. Hệ số (KMO and Bartlett's Test) về các yếu tố ảnh hưởng lần 2

Hệ số KMO và Kiểm định Bartlett về các yếu tố ảnh hưởng QL HĐDM PPDH môn TA		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy		0,752
Kiểm định Bartlett	Approx. Chi-Square	326,632
	df	6
	Sig.	0,00

Hệ số KMO = 0.752 > 0.5, sig Barlett's Test = 0.000 < 0.05, như vậy phân tích 4 yếu tố

ảnh hưởng QL HĐDM PPDH môn TA này là phù hợp.

Bảng 4. Tổng phương sai về yếu tố ảnh hưởng hoạt động ĐMPPDH môn TA lần 2

Thành phần	Trị số riêng ban đầu (Initial Eigenvalues)			Kết quả khi đã kết thúc quá trình trích nhân tố			Kết quả khi xoay quá trình phân trích nhân tố		
	Tổng	% của Phương sai	Lũy tiến %	Tổng	% của Phương sai	Lũy tiến %	Tổng	% của Phương sai	Lũy tiến %
1	3,35	75,87	75,87	3,03	75,87	75,87	3,03	44,84	44,84
2	0,52	13,01	88,89				0,52	43,40	88,25
3	0,40	10,20	99,10				0,4		
4	0,03	0,900	100,00				0,03		

Có 4 yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ĐMPPDH môn TA được trích dựa vào tiêu chí giá trị ban đầu lớn hơn 1, như vậy 4 yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động ĐMPPDH môn TA này đưa vào phân tích. Tổng phương sai mà 4 yếu tố ảnh hưởng này là 75,87% > 50%, như vậy, 4 yếu tố ảnh hưởng được phân tích là sự ảnh hưởng mang

tính thúc đẩy và tích cực. Kết quả ma trận cho thấy, 4 biến quan sát được phân thành 4 yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ĐMPPDH môn TA, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) lớn hơn 0.5 và không còn các biến xấu thể hiện bảng dưới đây.

Bảng 5. Thành phần ma trận về các yếu tố ảnh hưởng hoạt động ĐMPPDH môn TA lần 2

Các yếu tố	Thành phần 1
YT2.AH (Năng lực và nghiệp vụ sư phạm về ĐMPPDH môn TA của GV)	0,95
YT1.AH (Nhận thức về ĐMPPDH môn TA của ĐNGV)	0,94
YT6.AH (Văn hoá tổ chức, chính sách của nhà trường)	0,79
YT3.AH (Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phục vụ hoạt động ĐM PPDH môn TA)	0,77

Như vậy, phân tích nhân tố khám phá cho các biến độc lập được thực hiện hai lần. Lần thứ nhất, 6 biến quan sát được đưa vào phân tích, có 2 biến quan sát không đạt điều kiện là YT4 và

YT5 được loại bỏ để thực hiện phân tích lại lần hai. Lần phân tích thứ hai (lần cuối cùng), 4 biến quan sát được cho là các yếu tố thúc đẩy và 2 yếu tố cản trở.

Bảng 6. Kết quả đánh giá của CBQL, GV về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động ĐMPPDH môn TA

Các yếu tố ảnh hưởng	GV			CBQL		
	ĐTB	ĐLC	Bậc	ĐTB	ĐLC	Bậc
1. Nhận thức về ĐMPPDH môn TA	4,26	0,65	2	4,63	0,50	1
2. Năng lực và nghiệp vụ sư phạm về ĐMPPDH môn TA của GV	4,40	0,75	2	4,60	0,49	1
3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phục vụ hoạt động ĐMPPDH môn TA	4,68	0,47	1	4,53	0,73	2
4. Năng lực, thái độ, PP học tập của SV	4,04	0,87	3	4,13	0,81	2
5. Xu thế đổi mới, hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0	3,96	0,83	3	4,06	0,78	2
6. Văn hóa tổ chức, chính sách hoạt động ĐMPPDH môn TA	3,96	0,92	3	4,06	0,78	2
ĐTB chung	4,21	0,75		4,33	0,68	

Số liệu ở bảng 6 cho thấy hầu hết các yếu tố này đều được CBQL và GV đánh giá có ảnh hưởng lớn đến hoạt động ĐMPPDH môn TA. Đáng chú ý là yếu tố “Nhận thức, tâm lý, năng lực nghiệp vụ sư phạm về ĐMPPDH môn TA của đội ngũ GV” được các CBQL và GV đều đánh giá mức độ ảnh hưởng rất lớn ĐTB = 4,26(GV) và ĐTB = 4,63(LDQL). Như vậy, trong quá trình tiến hành ĐMPPDH môn TA yêu cầu

đặt ra cho các cấp lãnh đạo và GV dạy học môn TA cần chú trọng đến việc nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ GV một cách thường xuyên, liên tục. Theo Fillmore và Snow (2000) cũng khẳng định chủ thể tích cực của ĐMPPDH là GV và yếu tố GV cần phải có là trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm. Đó là những yếu tố luôn đóng vai trò quyết định trong đổi mới. Hoạt động

ĐMPPDH sẽ phụ thuộc nhiều vào trình độ năng lực của người GV (Andrews, 2003).

Yếu tố “Năng lực và nghiệp vụ sư phạm về ĐMPPDH môn TA của GV” cũng được đánh giá cao về mức độ ảnh hưởng. Cụ thể mức độ quan trọng có ĐTB = 4,60 (GV), ĐTB = 4,80(LĐQL) và mức độ ảnh hưởng ĐTB = 4,40 (GV), ĐTB = 4,60 (LĐQL) và xếp thứ bậc 1 ở mức độ quan trọng. Có thể nói yếu tố này cũng có vai trò quyết định lớn đến hiệu quả hoạt động ĐMPPDH môn TA nên các cơ sở đào tạo thuộc lực lượng CAND cần quan tâm, chú ý tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực và khoa học quản lý cho đội ngũ CBQL. Theo Paton (2003), CBQL muốn trở thành một nhà quản lý tài năng thì cần phải có năng lực và hiểu biết kiến thức chuyên sâu, khoa học về quản lý. Đó là yêu cầu cần thiết trong quá trình quản lý vì nó liên quan và gắn liền với hiệu quả của quá trình ra quyết định, lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá. Qua trao đổi với CBQL và GV để tìm hiểu thêm về những yếu tố khác có ảnh hưởng đến hoạt động ĐMPPDH môn TA, với câu hỏi có nội dung: “Thầy/cô có thể cho biết còn có yếu tố nào khác ảnh hưởng đến hoạt động đổi mới PPDH môn TA?” GV9, GV10, LĐQL 6 cho rằng: “Yếu tố nhận thức của GV và CBQL chưa thực sự chú trọng đối với ĐM PPDH và bên cạnh đó yếu tố về số lượng SV trong lớp học đông, khó tổ chức các hoạt động giao tiếp, hoạt động làm việc nhóm trong lớp học.” GV2, GV3, LĐQL3 cho biết “Yếu tố kiểm tra đánh giá SV về năng lực ngoại ngữ còn bất cập tạo cho GV và

sinh viên chỉ hướng đến kết quả thi cuối khóa mà chưa tạo động lực thực sự trong mục tiêu học tập”. Một số CBQL và GV cũng cho biết yếu tố “Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phục vụ hoạt động ĐMPPDH môn TA” là rất quan trọng. Những yếu tố này cũng thể hiện trong bảng số liệu với các mức đánh giá rất hưởng đến hoạt động ĐMPPDH. Kết quả đánh giá yếu tố “Văn hóa tổ chức, chính sách cho hoạt động ĐMPPDH” cũng được GV và CBQL đánh giá cao, được xếp thứ bậc 1 (GV) và thứ bậc 2 (CBQL), ĐTB mức độ quan trọng = 4,68 (GV); ĐTB = 4,40 (CBQL). Điều này cho thấy yếu tố văn hóa tổ chức và chính sách có tác động ảnh hưởng lớn trong quá trình ĐMPPDH môn TA.

3. KẾT LUẬN

Qua kết quả thu được từ phiếu trưng cầu ý kiến và những nội dung trả lời phỏng vấn về thực trạng ảnh hưởng của các yếu tố đến ĐMPPDH môn TA tại các cơ sở đào tạo đại học thuộc lực lượng CAND đã cho thấy, hầu hết đều được tất cả CBQL và GV đánh giá rất cụ thể, trong đó có 4 yếu tố ảnh hưởng mang tính thúc đẩy và 2 yếu tố mang tính cản trở. Như vậy, việc phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động ĐMPPDH môn TA tại mỗi cơ sở đào tạo có vai trò rất quan trọng, và cần thiết. Từ đó, mỗi cơ sở đào tạo cần có các biện pháp chú trọng các yếu tố này để thúc đẩy kích thích GV tích cực, chủ động, sáng tạo hơn nữa trong hoạt động ĐMPPDH môn TA nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo đã đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Công an (2018). *Báo cáo tổng kết công tác GDĐT trong CAND năm học 2017 - 2018 tháng 10/2018*. HN.
- Bộ Công an (2019). *Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025”*. Hà Nội.
- Bộ Công an (2019a). *Tài liệu Hội nghị sơ kết thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/ĐUCA Chỉ thị số 13/CT - BCA ngày 28/10/2014*. Hà Nội.
- Bộ Công an (2014). *Chỉ thị số 13-CT-BCA-X11 ngày 28/10/2014 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo trong Công an nhân dân (CAND) và triển khai chương trình, nhiệm vụ*. Hà Nội.
- Borg, S. (2010). *Language teacher research engagement*. Language Teaching, 43(4), 1 - 39.

Chính phủ (2017). *Quyết định số 2080/QĐ-TTg, Về việc phê duyệt điều chỉnh và bổ sung Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025”*. Hà Nội.

Chính phủ (2019). *Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025”*. Hà Nội.

Fullan, M. (2007). *Turnaround Leadership*. Jossey-Bass. San Francisco. CA.

Kennedy, C. (2011). *Challenges for language policy, language and development*. In H. Coleman (ed.), *Dreams and Realities; Developing Countries and the English Language*. London. British Council.

Kennedy, C., & Kennedy, J. (1996). *Teacher attitudes and change implementation*. System 24.1, 351 - 360.

Ho, C. T. (2009). *The relationship between knowledge management enablers and performance*. Industrial Management & Data Systems, vol. 109, no. 1, 98 - 117.

Nguyễn Quý Thanh. (2019). *Hội nghị triển khai kế hoạch đổi mới PPDH*. Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Lê. T. T. (2012). “*Behind knowledge transfer*” Management Decision, vol. 50, no. 3, pp. 459 - 478.

Vijayalakshmi Murugesan. (2019). *Innovations in Teaching Methods*. JASC: Journal of Applied Science and Computations, Volume VI, Issue I, 2588 - 2596.

Wedell, M. (2011). *More than just ‘technology’: English language teaching initiatives as complex educational changes*. In H. Coleman (Ed.), *Dreams and realities: Developing countries and the English language* (pp. 275 - 296). London. British Council.